

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CƯỜNG THỊNH BG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CƯỜNG THỊNH BG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400974297

**3. Ngày thành lập:** 26/09/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 28 đường Hồ Xuân Hương, Khu đô thị mới Bách Việt Lakke Garden, Phường  
Dĩnh Kế, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0904311666

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                       | 4330        |
| 2.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                  | 4390        |
| 3.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                       | 4631        |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                   | 4632        |
| 5.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                     | 4633        |
| 6.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                 | 4641        |
| 7.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                   | 4649        |
| 8.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                   | 4652        |
| 9.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                               | 4653        |
| 10. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                      | 4659        |
| 11. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                         | 4661        |
| 12. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                              | 4663(Chính) |
| 13. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                    | 4669        |
| 14. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                               | 7710        |
| 15. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                    | 4690        |
| 16. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | 4711        |
| 17. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                   | 4719        |
| 18. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4721        |
| 19. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                     | 4722        |
| 20. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                       | 4723        |
| 21. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                            | 4730        |
| 22. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                      | 1010        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 23. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                 | 1020 |
| 24. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                            | 1030 |
| 25. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                                   | 1075 |
| 26. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                                                                                                 | 1104 |
| 27. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                        | 4932 |
| 28. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                          | 4933 |
| 29. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                             | 5210 |
| 30. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                        | 5224 |
| 31. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                          | 7730 |
| 32. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                              | 3312 |
| 33. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                  | 3313 |
| 34. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                  | 3314 |
| 35. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                  | 3319 |
| 36. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                 | 3320 |
| 37. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                       | 4101 |
| 38. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                 | 4102 |
| 39. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                           | 4211 |
| 40. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                            | 4212 |
| 41. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                | 4221 |
| 42. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                     | 4222 |
| 43. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                       | 4229 |
| 44. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4299 |
| 45. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311 |
| 46. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312 |
| 47. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321 |
| 48. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 49. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN VĂN CUỒNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 25/06/1984 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024084005365

Ngày cấp: 17/12/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Tổ 6, Phường Ngô Quyền, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 6, Phường Ngô Quyền, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN CUỒNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/06/1984 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024084005365

Ngày cấp: 17/12/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Tổ 6, Phường Ngô Quyền, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 6, Phường Ngô Quyền, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang